

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v: Tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế thi hành án theo quy định
của pháp luật về thi hành án dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nguyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Xuân Dệt
2. Bà Tô Thị Lành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Y, sinh năm 1966. Địa chỉ: Làng CN, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Thôn IR, xã CH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Làng CN, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bà Sou Thị M. Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị Thu H1. địa chỉ: Tổ 2, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Số 119 đường TQC, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2018 và ngày 14 tháng 8 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Y trình bày:

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 52/2015/QĐST-DS ngày 03-9-2015 của TAND thành phố P thì anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải trả cho ông Y số tiền là 545.000.000đồng. Do anh Đ và chị T chỉ trả cho ông Y được số tiền là 45.000.000đồng thì không trả nữa. Vì vậy, ông Y đã có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền còn nợ là 500.000.000đồng.

Theo Quyết định thi hành án số 548/QĐ-CCTHA ngày 09-12-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P đã đưa ra tổ chức thi hành án đối với anh Đ và chị T số tiền 500.000.000đồng. Ngày 11-12-2015, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P có công văn số 154/CV-CCTHA gửi Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Pleiku và các Văn phòng công chứng trên địa bàn thành phố P với nội dung phối hợp trong việc giải quyết thi hành án.

Theo Quyết định thi hành án số 160/QĐ-CCTHA ngày 09-12-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P đã đưa ra tổ chức thi hành án đối với anh Trần Văn Đ số tiền 788.000.000đồng.

Ngày 08-12-2016, Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đã rút 02 (hai) hồ sơ thi hành án nêu trên để tổ chức thi hành án. Ngày 03-7-2017, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án và ủy thác về cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P tiếp tục thi hành án đối với 02 vụ việc thi hành án.

Theo quyết định thi hành án số 1164/QĐ-CCTHADS và số 1165/QĐ-CCTHADS ngày 13-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P tiếp tục thi hành án đối với 02 (hai) quyết định thi hành án nêu trên. Theo biên bản xác minh ngày 10-10-2017 thì anh Trần Văn Đ có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích: 154,2m² tại: Đường M, làng K, phường Đ, thành phố P, thửa đất số: 93, tờ bản đồ số: 78 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 763788 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 26-12-2014 đứng tên Nguyễn Thị N đã được chuyển nhượng cho anh Trần Văn Đ và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký ngày 15-10-2015. Hiện quyền sử dụng đất này anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Thu H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng công chứng Phù Đồng ngày 04-8-2016 nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền đăng ký chuyển quyền sử dụng. Việc chuyển nhượng này là trái quy định pháp luật nhằm mục đích tẩu tán tài sản không thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Theo Thông báo về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với tài sản số 426/TB-THADS ngày 04-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, ông Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H1 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phù Đồng ngày 04-8-2016 đối với quyền sử dụng đất diện tích: 154,2m² tại: Đường M, làng K, phường Đ, thành phố P, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 78 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 763788

do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 26-12-2014 là vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn là anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà H và bà Sou Thị M trình bày:

Bà H và bà Sou Thị M nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Lai trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P là cơ quan đang tổ chức thi hành án đối với anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải thi hành án khoản trả nợ công dân cho ông Y và bà Sou Thị M. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về việc: Ông Y yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H được công chứng tại Văn phòng công chứng Phù Đồng ngày 04-8-2016 là vô hiệu vì thuộc trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

Bà H1 thừa nhận vào ngày 04-8-2016 đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất với anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T đối với quyền sử dụng đất diện tích: 154,2m², tại: Đường M, làng K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 93; tờ bản đồ số 78 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 763788 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 26-12-2014 là đúng sự thật. Việc chuyển nhượng lô đất này là do trước đây vợ chồng anh Đ và chị T có vay của bà H1 số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Khi vay tiền vợ chồng anh Đ và chị T có thể chấp cho bà H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 763788 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 26-12-2014. Sau đó, vợ chồng anh Đ và chị T không có khả năng trả nợ nên có thỏa thuận với bà H1 để chuyển nhượng lô đất này để cần trừ nợ. Nay việc chuyển nhượng không thành, giấy vay tiền bản gốc bà H1 vẫn còn giữ. Do đó, H1 hoàn toàn nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà H1 là vô hiệu.

Bà H1 đã được Tòa án giải thích hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu nêu trên. Bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu. Vì bà H1 đang giữ bản chính giấy vay tiền. Sau này bà H1 sẽ khởi kiện anh Đ và chị T liên quan đến giấy vay này để trả tiền cho bà H1.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Hà thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn là bà Võ Thị Huệ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Võ Thị Huệ vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 122, Điều 127, Điều 128 và Điều 410 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Y căn cứ Thông báo số: 426/TB-THADS ngày 04-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với tài sản và yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H1 là vô hiệu vì được thực hiện sau khi đã có quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, vi phạm quy định khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự. Anh Đ và chị T có nơi cư trú tại: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn là anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là: Bà Sou Thị M, bà Nguyễn Thị Thu H1 và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không có yêu cầu độc lập và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các tài liệu trong vụ án gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H được công chứng tại Văn phòng công chứng Phù Đồng ngày 04-8-2016.

- Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 52/2015/QĐST-DS ngày 03-9-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- Quyết định thi hành án số 548/QĐ-CCTHA ngày 09-12-2015 và Quyết định thi hành án số 1164/QĐ-CCTHADS và ngày 13-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

- Quyết định về việc rút hồ sơ số: 64/QĐ-CTHADS ngày 30-12-2016 và Quyết định về việc ủy thác thi hành án số: 35/QĐ-CTHADS ngày 03-4-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các tài liệu trên là những tình tiết sự kiện được xác định trong quyết định của Tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; đã được ghi trong văn bản được công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ông Y yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04-8-2016 giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với quyền sử dụng đất diện tích: 154,2m² tại: Đường M, làng K, phường Đ, thành phố P, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 78 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 763788 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 26-12-2014 là vô hiệu vì trái quy định pháp luật nhằm mục đích tẩu tán tài sản không thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện . . . mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định việc anh Đ và chị T thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04-8-2016 là trong thời gian anh Đ và chị T phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Tại Điều 24 của Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18-7-2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự quy định: *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển nhượng, chuyển đổi tài sản cho người khác mà không sử dụng tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản nào khác để đảm bảo nghĩa vụ thi hành thì tài sản đó vẫn bị kê biên”*. Do đó, quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của anh Đ và chị T nêu trên là tài sản vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án. Vì vậy, anh Đ và chị T không có đủ điều kiện để thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại **khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013**. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu H1 thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên

là để cân trừ nợ số tiền 300.000.000đồng mà anh Đ và chị T vay của bà H1. Việc cân trừ nợ này của các bên khi chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và không nhằm mục đích để thi hành án trả cho ông Y số tiền 500.000.000đồng nên không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Đ, chị T với bà H1 có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội nên **không có đủ các điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó**, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04-8-2016 giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H là hợp đồng dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 127, **Điều 128 và Điều 410** của Bộ luật dân sự năm 2005 nên yêu cầu khởi kiện của ông Y được chấp nhận.

[3] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Bà H1, anh Đ và chị T thỏa thuận thanh toán hợp đồng chuyển nhượng bằng hình thức cân trừ nợ vay và bà H1 vẫn còn giữ bản chính giấy vay tiền nên hợp đồng vẫn chưa được thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. **Mặt khác, theo kết quả xác minh tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Pleiku xác định: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H1 với anh Đ và chị T đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính nhưng chưa đăng ký vào sổ địa chính tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Pleiku”** nên Hợp đồng vẫn chưa có hiệu lực theo quy định tại Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015. **Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho bà H1 biết về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, bà H1 vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước và người thứ ba. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Trong trường hợp có thiệt hại phát sinh từ hợp đồng vô hiệu này thì bà H1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để được xem xét giải quyết bồi thường.**

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản **12** Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 122, Điều 127, Điều 128 và Điều 410 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04-8-2016 giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T với bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với quyền sử dụng đất diện tích: 154,2m² tại: Đường M, làng K, phường Đ, thành phố P, thửa đất số: 93, tờ bản đồ số: 78 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 763788 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 26-12-2014 là vô hiệu.

2. Về án phí:

Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003967 ngày 14 tháng 8 năm 18 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H' Bú có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Đình Nguyên

